

REVIEW 3- SKILLS

I/ NEW WORDS:

- distinctive architecture	(n) : kiểu kiến trúc đặc biệt
- cross-cultural heritage	(n) : di sản xuyên văn hoá
- annual music festival	(n) : lễ hội âm nhạc hàng năm
- a levee system	(n) : hệ thống đê
- drainage canal	(n) : kênh đào thoát nước
- destructive	(adj) : phá hoại, tàn phá
- pour	(v) : rót, đổ, gội, trút
- scramble /'skræm.bəl/	(v,n) : (sự) bò, trườn
- rooftop	(n) : nóc nhà
- desperate /'des.pər.ət/	(adj) : liều lĩnh, tuyệt vọng
- tremendous /tri'men.dəs/	(adj) : to lớn, dữ dội
- breeding/'bri:.dɪŋ/	(n) : sự sinh sản
- migrate/maɪ'greɪt/	(v) : di cư
- partially/'pɑ:ʃəl.i/	(adv): từng phần, cục bộ
- residential area	(adj) : thuộc nhà ở
- spit – spat /spɪt/ /spæt/	(v) : phát ,đập, vồ
- lifetime/'laɪf.taɪm/	(n) : cả cuộc đời
- permanently	(adj) : mãi mãi

--	--